

**THỰC TRẠNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC LÝ THUYẾT
CÁC HỌC PHẦN Y HỌC CƠ SỞ NĂM 2015 - 2016**

Theory teaching – study method charging of basic medicine subjects in 2015 - 2016

Ngày 13/10/2016; ngày phản biện: 19/10/2016; ngày duyệt đăng: 21/11/2016

Bùi Thanh Thủy*

Nguyễn Thị Hiệp Tuyền, Phạm Minh Huệ, Nguyễn Thị Thu Thái**

TÓM TẮT

Khảo sát 1681 sinh viên và 15 giảng viên tại khoa y học cơ sở về việc đổi mới phương pháp dạy – học lý thuyết các học phần Giải phẫu, Mô – Phôi thai học, Sinh lý, Sinh hóa, Vi sinh, Ký sinh trùng năm học 2015 -2016.

Phương pháp giảng dạy của các môn y học cơ sở, Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên có sự chuyển biến tích cực, nội dung giảng dạy bám sát đề cương, mục tiêu, phương pháp giảng dạy của giảng viên được sinh viên đánh giá tốt, tạo được sự hứng thú, tích cực học tập ở sinh viên. Giảng viên cần tiếp tục có những điều chỉnh phù hợp việc tổ chức dạy học, hướng dẫn sinh viên cách học để nâng cao hiệu quả dạy học hơn nữa.

Từ khóa: lý thuyết; y học cơ sở; sinh viên; giảng viên; phương pháp

ABSTRACT

Survey were conducted on 1681 students and 15 teachers in basic medicine department about renovation on theoretical teaching and learning approach in Anatomy, Histology – Embryology, Physiology, Biochemistry, Microbiology, Parasitology in 2015 – 2016.

The theoretical teaching and learning approach at Thai Nguyen University of medicine and pharmacy has been significantly changed. Teaching methods have attracted students. Particularly, students were interested in the lessons, and they have paid more attention on their studies and have worked harder. In future, teachers will need to continue adjust their teaching approach in order to improve learning-teaching quality.

Key words: theor; basic medicine; student; teacher; teaching-learning method

I. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là sự sống còn của mỗi nhà trường trong xu thế đổi mới giáo dục hiện nay, một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo đó là đội ngũ giảng viên (GV), do vậy phương pháp giảng dạy của người thầy là vấn đề cần được quan tâm, đánh giá để có sự điều chỉnh thích hợp.

Gần 10 năm nay, Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên đã đào tạo theo

học chế tín chỉ, với chủ trương lấy người học làm trung tâm, giảng viên đóng vai trò là người định hướng, giúp đỡ sinh viên (SV), dạy cho sinh viên cách học chủ động tìm hiểu kiến thức; đồng thời để đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên, nhà trường đã tổ chức nhiều lớp tập huấn phương pháp giảng dạy tích cực cho giảng viên. Tuy nhiên, thực tế đổi mới áp dụng các phương pháp dạy học này đến đâu, hiệu quả mức độ cải thiện chất lượng bài

* Tiến sĩ - Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên

** Thạc sĩ - Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên

giảng đến đâu, có tạo được sự thu hút, quan tâm của sinh viên hay không? Cho đến nay, vẫn chưa có nghiên cứu nào đánh giá.

Để tìm hiểu thông tin qua kênh SV và GV về thực trạng giảng dạy lý thuyết tại các học phần thuộc khoa Y học cơ sở, từ đó các giảng viên có thể xem xét điều chỉnh hoạt động giảng dạy, cải tiến hoạt động dạy và học, góp phần xây dựng đội ngũ GV có phương pháp và phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại. Bên cạnh đó, hoạt động SV đánh giá giảng viên cũng góp phần giúp tăng cường tinh thần trách nhiệm của SV với quyền lợi, nghĩa vụ học tập, rèn luyện của bản thân; tạo điều kiện để sinh viên được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Vì vậy chúng tôi thực hiện nghiên cứu với mục tiêu sau:

1. Đánh giá việc dạy - học lý thuyết các học phần cơ sở năm học 2015 – 2016.

2. Nhận xét thái độ của sinh viên trong việc học lý thuyết các học phần y học cơ sở

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Toàn bộ GV đủ điều kiện giảng lý thuyết của khoa y học cơ sở và SV y chính quy đã hoàn thành các học phần y học cơ sở năm học 2015 - 2016.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang
- Cỡ mẫu: toàn bộ theo chủ đích đối tượng nghiên cứu.

- Kỹ thuật thu thập số liệu: Phát phiếu khảo sát sau khi SV đã kết thúc từng học phần (đã có điểm) và GV.

3. Chỉ tiêu nghiên cứu

- Số lượng phiếu của SV, GV tham gia trả lời

- Kết quả đánh giá quá trình giảng dạy đã được GV thực hiện tại các học phần của SV và giảng viên theo 4 nhóm nội dung bộ câu hỏi

4. Thời gian nghiên cứu

1/2016 - 11/2016

5. Địa điểm nghiên cứu

Khoa Y học cơ sở, Trường Đại học Y được Thái Nguyên

6. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được xử lý trên phần mềm SPSS 13.0

III. KẾT QUẢ

1. Số lượng phiếu của sinh viên và giáo viên

Tổng số phiếu khảo sát SV là 1681 phiếu, có 6/8 bộ môn thuộc khoa Y học cơ sở đã được khảo sát, đó là: Giải phẫu, Hóa sinh, Vi sinh, Sinh lý, Mô – Phôi thai học, Ký sinh trùng. Số lượng phiếu thu được ở bộ môn Giải phẫu có số phiếu nhiều nhất là 366 phiếu (chiếm 21,8%), các môn còn lại lượng phiếu thu được ngang nhau 15,4% - 16%.

Tổng số GV (giảng lý thuyết) của khoa là 25, số lượng phiếu khảo sát GV thu được là 15/25 GV chiếm 60%.

2. Về nội dung chương trình môn học

2.1. Giới thiệu chương trình chi tiết học phần

Đa số SV trả lời phiếu hỏi (86,4%) đều cho rằng GV thực hiện tốt và rất tốt việc giới thiệu chương trình chi tiết học phần, chỉ 2% sinh viên đánh giá là GV giới thiệu chưa tốt về đề cương chi tiết học phần. 100% GV tham gia trả lời đã cho rằng thực hiện tốt và rất tốt công việc này.

2.2. Nội dung bài giảng thực hiện theo đề cương chi tiết học phần

Về nội dung bài giảng bám sát đề cương chi tiết học phần thì có 82,5% SV đánh giá GV đã thực hiện. 100% GV tham gia trả lời tự đánh giá là cá nhân đã làm tốt và rất tốt.

2.3. Nội dung các bài giảng đáp ứng được mục tiêu đề ra (Bảng 1)

79,2% SV đánh giá tốt và rất tốt. 93,3 GV tham gia trả lời đánh giá tốt và rất tốt

2.4. Giúp sinh viên nhận thức học phần này quan trọng trong các năm tiếp

90% SV đánh giá GV đã giúp SV nhận thức các môn học y học cơ sở tốt và rất tốt. Bên cạnh đó, 80% GV tham gia trả lời thực hiện tốt và rất tốt việc giúp đỡ sinh viên trong vấn đề này.

3. Về phương pháp giảng dạy của giảng viên

3.1. Giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy

Trong tổng số 1681 SV có 1,7% SV đánh giá việc đảm bảo giờ giấc GV còn chưa tốt. Về phía GV thì 100% GV tham gia trả lời là thực hiện tốt và rất tốt.

3.2. Giảng viên chuẩn bị bài giảng cẩn thận trước giờ lên lớp (Bảng 2)

1,2% SV đánh giá chưa tốt, 13,9% đánh giá bình thường. 100% GV tham gia trả lời khẳng định thực hiện việc chuẩn bị bài tốt và rất tốt

3.3. Giảng viên giảng dạy dễ hiểu, truyền đạt tốt (Bảng 3)

67,9% SV đánh giá giảng viên dạy ở mức độ tốt và rất tốt. 100% GV tham gia trả lời cũng đánh giá tốt và rất tốt.

Bảng 1

	Giải phẫu		Sinh hóa		Vi sinh		Sinh lý		Mô phôi		KST		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Chưa tốt	17	4.6	4	1.5	2	0.7	4	1.5	9	3.4	2	0.8	38	2.3
BT	126	34.4	28	10.7	29	10.8	25	9.6	62	23.4	41	15.8	311	18.5
Tốt	162	44.3	161	61.7	163	60.6	151	57.9	144	54.3	157	60.6	938	55.8
Rất tốt	61	16.7	68	26.1	75	27.9	81	31.0	50	18.9	59	22.8	394	23.4
Tổng số	366	100	261	100	269	100	261	100	265	100	259	100	1681	100

Bảng 2

	Giải phẫu		Sinh hóa		Vi sinh		Sinh lý		Mô phôi		KST		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Chưa tốt	6	1.6	2	0.8	3	1.1	2	0.8	6	2.3	2	0.8	21	1.2
BT	64	17.5	31	11.9	33	12.3	26	10.0	44	16.6	36	13.9	234	13.9
Tốt	173	47.3	165	63.2	158	58.7	149	57.1	141	53.2	160	61.8	946	56.3
Rất tốt	123	33.6	63	24.1	75	27.9	84	32.2	74	27.9	61	23.6	480	28.6
Tổng số	366	100	261	100	269	100	261	100	265	100	259	100	1681	100

Bảng 3

	Giải phẫu		Sinh hóa		Vi sinh		Sinh lý		Mô phôi		KST		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Chưa tốt	57	15.6	5	1.9	3	1.1	6	2.3	8	3.0	8	3.1	87	5.2
BT	151	41.3	62	23.8	61	22.7	32	12.3	86	32.5	60	23.2	452	26.9
Tốt	130	35.5	133	51.0	147	54.6	142	54.4	128	48.3	137	52.9	817	48.6
Rất tốt	28	7.7	61	23.4	58	21.6	81	31.0	43	16.2	54	20.8	325	19.3
Tổng số	366	100	261	100	269	100	261	100	265	100	259	100	1681	100

Bảng 4

	Giải phẫu		Sinh hóa		Vi sinh		Sinh lý		Mô phôi		KST		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Chưa tốt	71	19.4	7	2.7	6	2.2	7	2.7	19	7.2	13	5.0	123	7.3
BT	143	39.1	60	23.0	71	26.4	58	22.2	110	41.5	79	30.5	521	31.0
Tốt	117	32.0	143	54.8	145	53.9	134	51.3	110	41.5	139	53.7	788	46.9
Rất tốt	35	9.6	51	19.5	47	17.5	62	23.8	26	9.8	28	10.8	249	14.8
Tổng số	366	100	261	100	269	100	261	100	265	100	259	100	1681	100

3.4. Giảng viên hướng dẫn sinh viên phương pháp học phù hợp với môn học (Bảng 4)

7,2% SV đánh giá chưa tốt, 31% đánh giá bình thường, 60,7% đánh giá tốt. 93,3% GV đã thực hiện tốt và rất tốt việc hướng dẫn sinh viên phương pháp học.

3.5. Giảng viên giải đáp thắc mắc sinh viên thỏa đáng (Bảng 5)

2,8% SV đánh giá chưa tốt, 20% đánh giá bình thường, 77,2% đánh giá tốt. 86,67% GV đánh giá thực hiện tốt và rất tốt việc này.

3.6. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm tài liệu

Khi tham gia khảo sát thì có 5,7% SV đánh giá GV thực hiện chưa tốt việc hướng dẫn sinh viên tìm tài liệu, 33,5% đánh giá bình thường, 60,8% đánh giá tốt và rất tốt. 93,3% GV tham gia trả lời đánh giá cho rằng đã hướng dẫn sinh viên tốt và rất tốt việc tìm tài liệu.

3.7. Giảng viên có kiến thức sâu rộng, cập nhật về môn học

Trong tổng số 1681 sinh viên tham gia trả lời khảo sát, có một số ít sinh viên (1,4%) cho rằng giảng viên chưa có kiến thức sâu rộng, cập nhật môn học. Bên cạnh đó, có 85,7% SV đánh giá GV có kiến thức tốt và rất tốt. Khi khảo sát giảng viên thì có 93,3% GV tham gia trả lời tự đánh giá tốt và rất tốt về năng lực kiến thức của mình.

3.8. Giảng viên nêu vấn đề để sinh viên trao đổi (Bảng 6)

4,2% SV đánh giá GV thực hiện chưa tốt, 72,5% đánh giá tốt. 93,3 % GV tham gia trả lời đã đánh giá thực hiện tốt và rất tốt

3.9. Giảng viên quan tâm tổ chức các hoạt động nhóm sinh viên (Bảng 7)

7% SV đánh giá chưa thực hiện tốt, 58,6% đánh giá tốt. 73,3% GV tham gia trả lời đánh giá thực hiện tốt và rất tốt.

Bảng 5

	Giải phẫu		Sinh hóa		Vi sinh		Sinh lý		Mô phôi		KST		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Chưa tốt	22	6.0	5	1.9	3	1.1	4	1.5	6	2.3	7	2.7	47	2.8
BT	85	23.2	48	18.4	53	19.7	28	10.7	59	22.3	64	24.7	337	20.0
Tốt	180	49.2	144	55.2	149	55.4	141	54.0	143	54.0	142	54.8	899	53.5
Rất tốt	79	21.6	64	24.5	64	23.8	88	33.7	57	21.5	46	17.8	398	23.7
Tổng số	366	100	261	100	269	100	261	100	265	100	259	100	1681	100

Bảng 6

	Giải phẫu		Sinh hóa		Vi sinh		Sinh lý		Mô phôi		KST		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Chưa tốt	27	7.4	4	1.5	8	3.0	10	3.8	11	4.2	11	4.2	71	4.2
BT	110	30.1	48	18.4	77	28.6	30	11.5	59	22.3	67	25.9	391	23.3
Tốt	159	43.4	144	55.2	145	53.9	140	53.6	139	52.5	146	56.4	873	51.9
Rất tốt	70	19.1	65	24.9	39	14.5	81	31.0	56	21.1	35	13.5	346	20.6
Tổng số	366	100	261	100	269	100	261	100	265	100	259	100	1681	100

Bảng 7

	Giải phẫu		Sinh hóa		Vi sinh		Sinh lý		Mô phôi		KST		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Chưa tốt	38	10.4	7	2.7	19	7.1	11	4.2	14	5.3	28	10.8	117	7.0
Bình thường	144	39.3	85	32.6	112	41.6	58	22.2	66	24.9	114	44.0	579	34.4
Tốt	141	38.5	119	45.6	109	40.5	134	51.3	124	46.8	95	36.7	722	43.0
Rất tốt	43	11.7	50	19.2	29	10.8	58	22.2	61	23.0	22	8.5	263	15.6
Tổng số	366	100	261	100	269	100	261	100	265	100	259	100	1681	100

3.10. Giảng viên quan tâm phát triển khả năng diễn đạt của sinh viên

7,9 % SV cho rằng GV chưa quan tâm phát triển khả năng diễn đạt của sinh viên, 55,6% đánh giá tốt và rất tốt. Tuy nhiên, 80% GV tham gia trả lời đánh giá đã thực hiện tốt và rất tốt việc quan tâm đến khả năng diễn đạt của SV.

4. Về tài liệu, cơ sở vật chất

4.1. Giảng viên sử dụng dụng cụ trực quan trong giảng dạy

6,8% SV đánh giá GV sử dụng chưa tốt, 35,9% đánh giá bình thường, 57,2% đánh giá sử dụng tốt và rất tốt.

4.2. Tài liệu cập nhật (Bảng 8)

8,9% SV đánh giá việc cung cấp tài liệu cập nhật chưa tốt, trong đó riêng môn Giải phẫu SV đánh giá chưa tốt có tỷ lệ cao nhất là 18,3% và đánh giá tốt và rất tốt đạt dưới 50% so với các môn học khác. 93,3% GV tham gia trả lời đã đánh giá thực hiện tốt và rất tốt

4.3. Tài liệu học tập được cung cấp trước

4,8% SV đánh giá chưa thực hiện tốt việc cung cấp tài liệu cho SV, 68,7% đánh giá tốt và rất tốt. 86,7% GV tham gia trả lời đánh giá tốt và rất tốt là đã cung cấp tài liệu trước cho SV

5. Phương pháp lượng giá

5.1. Nội dung kiểm tra phù hợp với mục tiêu

Sau quá trình học tập và được kiểm tra và thi kết thúc học phần các môn Y học cơ sở 65,8% SV đánh giá nội dung kiểm tra phù hợp mục tiêu ở mức tốt và rất tốt. 100% GV tham gia trả lời đánh giá tốt và rất tốt nội dung kiểm tra mà bộ môn đưa ra.

5.2. Loại hình kiểm tra thích hợp (Bảng 9)

5,1% SV đánh giá chưa tốt về hình thức kiểm tra, 75,9% đánh giá tốt. 93,3% GV trả lời đánh giá hình thức kiểm tra ở mức tốt và rất tốt

Bảng 8

	Giải phẫu		Sinh hóa		Vi sinh		Sinh lý		Mô phôi		KST		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Chưa tốt	67	18.3	10	3.8	10	3.7	8	3.1	32	12.1	23	8.9	150	8.9
BT	177	48.4	75	28.7	88	32.7	85	32.6	126	47.5	102	39.4	653	38.8
Tốt	102	27.9	139	53.3	133	49.4	132	50.6	86	32.5	108	41.7	700	41.6
Rất tốt	20	5.5	37	14.2	38	14.1	36	13.8	21	7.9	26	10.0	178	10.6
Tổng số	366	100	261	100	269	100	261	100	265	100	259	100	1681	100

Bảng 9

	Giải phẫu		Sinh hóa		Vi sinh		Sinh lý		Mô phôi		KST		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Chưa tốt	52	14.2	5	1.9	6	2.2	5	1.9	11	4.2	6	2.3	85	5.1
BT	102	27.9	44	16.9	40	14.9	37	14.2	48	18.1	49	18.9	320	19.0
Tốt	149	40.7	153	58.6	157	58.4	145	55.6	137	51.7	136	52.5	877	52.2
Rất tốt	63	17.2	59	22.6	66	24.5	74	28.4	69	26.0	68	26.3	399	23.7
Tổng số	366	100	261	100	269	100	261	100	265	100	259	100	1681	100

5.3. Tác dụng phản hồi tích cực cho sinh viên

Với nội dung kiểm tra và thi kết thúc học phần các môn học thì có 5,4% SV cho rằng chưa có tác dụng phản hồi tích cực cho SV và có 65,5% đánh giá tốt và rất tốt về nội dung kiểm tra và thi kết thúc học phần..

5.4. Kết quả học tập được đánh giá khách quan

Sau khi trải qua các kì thi kết thúc học phần và nhận được kết quả học tập thì trong số những SV tham gia khảo sát thì có 4,1% SV đánh giá sự khách quan của kết quả ở mức chưa tốt, 75,8% đánh giá mức tốt và rất tốt. Bên cạnh đó, thì 100% GV trả lời kết quả học tập đã đánh giá khách quan kiến thức của SV.

6. Thái độ học tập của sinh viên

6.1. Tham dự lớp học đầy đủ

Trong số những SV được khảo sát thì có 2,2% SV tự đánh giá tham dự lớp học ở mức chưa tốt tức là chưa đến lớp học đầy đủ, 85% đánh giá tốt và rất tốt. 20% GV trả lời thỉnh thoảng điểm danh mỗi buổi giảng, 80% thường xuyên và luôn điểm danh.

6.2. Sự tích cực chuẩn bị bài trước khi đến lớp của sinh viên

Trong tổng số 1681 sinh viên tham gia khảo sát có 3,6% SV tự nhận thấy chưa chuẩn bị bài tốt trước khi đến lớp. Tỷ lệ sinh viên chuẩn bị bài tốt và rất tốt trước khi đi học là 62,9%.

6.3. Sự tập trung nghe giảng

2,7% SV tự đánh giá khi nghe giảng sự tập trung chưa tốt, 77,4% SV đã có sự tập trung nghe giảng ở mức tốt và rất tốt.

6.4. Sinh viên hiểu rõ nội dung cơ bản của môn học (Bảng 10)

Bảng 10

	Giải phẫu		Sinh hóa		Vi sinh		Sinh lý		Mô phôi		KST		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Chưa tốt	31	8.5	4	1.5	3	1.1	2	0.8	7	2.6	3	1.2	50	3.0
BT	158	43.2	60	23.0	49	18.2	48	18.4	93	35.1	55	21.2	463	27.5
Tốt	145	39.6	152	58.2	182	67.7	167	64.0	143	54.0	167	64.5	956	56.9
Rất tốt	32	8.7	45	17.2	35	13.0	44	16.9	22	8.3	34	13.1	212	12.6
Tổng số	366	100	261	100	269	100	261	100	265	100	259	100	1681	100

Chỉ có 3% SV chưa hiểu rõ nội dung cơ bản của môn học. Cao nhất ở môn Giải phẫu là 8,5%.

6.5. Sinh viên nhận được nhiều kết quả bổ ích từ môn học

Trong 1681 SV tham gia khảo sát chỉ có 1,9% cho rằng không nhận được nhiều kết quả bổ ích từ các môn học Y học cơ sở. 76,2% SV đánh giá tốt và rất tốt về việc nhận được kết quả bổ ích từ môn học.

6.6. Sinh viên thấy hứng thú trong giờ học

Trên tổng số sinh viên được hỏi thì có 5,3% SV còn thấy chưa hứng thú trong các giờ học lý thuyết, 32,7% đánh giá bình thường, còn lại 62% SV cho rằng trong những giờ học lý thuyết đã có hứng thú nghe giảng ở mức tốt và rất tốt.

6.7. Sinh viên hài lòng về học phần

Khảo sát chung về sự hài lòng của SV về các học phần Y học cơ sở có 5,2% SV chưa hài lòng, 27,8% sinh viên đánh giá bình thường, 67% SV đánh giá tốt và rất tốt.

IV. BÀN LUẬN

Tỷ lệ GV tham gia khảo sát thấp (60%), chỉ có 15 giảng viên trả lời phiếu khảo sát vì một số cán bộ trẻ chưa đủ điều kiện được giảng lý thuyết và đang phải đi học nên không tham gia khảo sát, nhưng cũng còn một số GV vẫn chưa thực sự quan tâm.

Về nội dung chương trình, cả sinh viên và giảng viên đều có sự đánh giá khá tương đồng ở mức độ tốt và rất tốt với tỷ lệ trên 80%; Về phương pháp giảng dạy của GV, khuyến khích sáng tạo, tôn trọng tư duy độc lập của sinh viên trong học tập; hướng dẫn hoạt động học tập của sinh viên được 60-70% SV đánh giá cao, chủ quan GV có sự đánh giá cao hơn sinh viên, cần có sự điều chỉnh từ phía GV về

việc tổ chức hoạt động nhóm SV và quan tâm khả năng diễn đạt, tranh luận của SV. Kết quả khảo sát cho thấy phương pháp giảng dạy của các môn Y học cơ sở đã có sự thu hút, chú ý học tập từ phía SV, SV đã chủ động tích cực hơn trong học tập, đa số các nội dung khảo sát sự hài lòng được đánh giá ở mức cao. Tuy nhiên, ở các môn hình thái như giải phẫu, mô – phôi thai học thì tỷ lệ hứng thú của SV thấp hơn so với các môn sinh lý, sinh hóa, vi sinh, ký sinh trùng, đó là do đặc thù môn học khó hiểu khi SV lần đầu tiếp xúc thuật ngữ y học, khối lượng kiến thức nhiều, khó nhớ, khó học và lại là những môn học được học trước. Để khắc phục tình trạng này, GV cần thiết gọi mở, lồng ghép, kết nối các môn học trước với môn học sau hoặc với lâm sàng để SV dễ tiếp thu và tạo sự hứng thú của SV do đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả bài giảng.

Thời gian lên lớp của GV, tài liệu, cơ sở vật chất phục vụ học tập được sinh viên đánh giá không cao như các thông tin khác, mặc dù tỷ lệ đánh giá tốt vẫn đạt 57,2% - 68,7%. Hình thức kiểm tra, nội dung kiểm tra và sự công bằng trong kiểm tra, đánh giá của GV có sự đánh giá tốt từ SV.

Bằng việc sử dụng các bộ câu hỏi giống nhau, việc đánh giá giảng dạy bởi SV có ưu điểm là đánh giá tất cả GV theo một chuẩn chung và dễ dàng đưa ra sự so sánh giữa các môn học. Việc đánh giá khi thời điểm sinh viên đã học xong các môn học, do vậy kết quả đánh giá là khách quan. Dữ liệu thu được, các bộ môn của khoa Y học cơ sở cũng có thể dùng để tham khảo, kiểm tra lại mục tiêu đào tạo của các bộ môn để có bổ sung chỉnh sửa cho các năm học sau. Mặt khác, GV có thể tham khảo các thông tin từ SV để cải tiến công tác giảng dạy, tìm ra những điểm mạnh và điểm yếu trong quá trình giảng dạy.

Tuy nhiên, việc đánh giá dựa vào SV có những hạn chế sau: Có một số nội dung cụ thể về chất lượng giảng dạy mà SV không thể có đánh giá chính xác như: mục tiêu, nội dung môn học, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên, một số yếu tố khó kiểm soát như động cơ học tập của sinh viên, tính phức tạp của tài liệu, mức độ khó dễ của môn học. Vì vậy, cần sử dụng nhiều loại kỹ thuật thu thập ý kiến khác nhau ngoài phiếu khảo sát thông thường để phân tích kết quả.

V. KẾT LUẬN

Phương pháp giảng dạy của các môn y học cơ sở, Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên có sự chuyển biến tích cực, nội dung giảng dạy bám sát đề cương, mục tiêu, phương pháp giảng dạy của giảng viên được sinh viên đánh giá tốt, tạo được sự hứng thú, tích cực học tập ở SV. GV cần tiếp tục có những điều chỉnh phù hợp việc tổ chức dạy học, hướng dẫn SV cách học để nâng cao hiệu quả dạy học hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2009), *Lý luận dạy học đại học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội;
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Công văn số 1276/BGDĐT –NG, ngày 20/2/2008 về Hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên;
3. Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Phương Nga (2006), *Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí đánh giá hoạt động giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học của giảng viên trong Đại học Quốc gia Hà Nội*, Báo cáo nghiệm thu Đề tài trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.